

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG	3
DANH MỤC HÌNH	3
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
CHƯƠNG 1.....	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV gỗ Thu Hằng	5
1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất và chế biến gỗ rừng trồng xuất khẩu tại CCN xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng	5
1.2. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	5
1.2.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	5
1.2.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	5
1.2.3. Sản phẩm của cơ sở:	6
1.3. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	7
1.3.1. Nguyên liệu.....	7
1.4. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	7
1.4.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở.....	7
Chương II.....	9
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	9
2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	9
2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	9
Chương III.	10
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	10
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	10
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	10
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	10
3.1.3. Xử lý nước thải.....	10

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	13
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	15
3.4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại	15
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	16
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	16
Chương IV.....	18
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	18
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	18
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	18
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	19
Chương V.	20
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	20
5.1 . Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo	20
Chương VI.....	21
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	21
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	21
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của Pháp luật.....	21
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc tự động, liên tục.....	21
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.	22
chương VII.....	23
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	23
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	24
PHỤ LỤC BÁO CÁO	25
CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO	26

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Nguyên liệu gỗ đầu vào của Cơ sở.....	7
Bảng 2. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở.....	7
Bảng 3. Quy mô các hạng mục của Cơ sở.....	8
Bảng 4. Danh mục CTNH phát sinh của Nhà máy.....	15
Bảng 5. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải.....	18
Bảng 6. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải.....	19
Bảng 7. Kết quả quan trắc khí thải.....	20
Bảng 8. Kết quả quan trắc nước thải.....	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất gỗ ghép thanh.....	5
Hình 2. Quy trình công nghệ sản xuất dăm gỗ phụ phẩm.....	6
Hình 3. Mô hình hầm tự hoại.....	11

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BTCT	Bê tông cốt thép
2	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	BVMT	Bảo vệ môi trường
4	BYT	Bộ Y tế
5	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
6	CTNH	Chất thải nguy hại
7	CTR	Chất thải rắn
8	MTV	Một thành viên
9	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam
11	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
12	UBND	Ủy ban nhân dân

CHƯƠNG 1.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV gỗ Thu Hằng

- Địa chỉ văn phòng: thôn An Thái, xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Lê Bá Học

- Điện thoại: 0905332222

- Giấy đăng ký kinh doanh số 3200435282 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/3/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 29/3/2017.

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất và chế biến gỗ rừng trồng xuất khẩu tại CCN xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng

- Địa điểm cơ sở: Cơ sở có vị trí tại CCN xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị có diện tích 10.626m².

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư 7,6 tỷ đồng, được phân loại vào dự án nhóm C theo tiêu chí quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

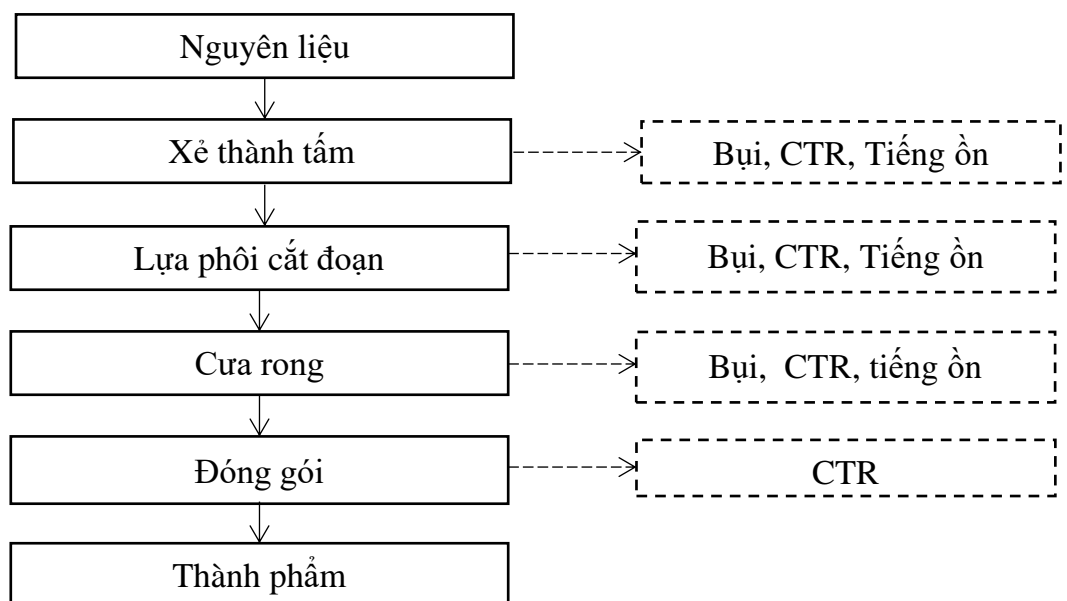
1.2. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.2.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Công suất thiết kế: 9.000 m³/năm (gỗ thành phẩm)

1.2.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

a. Công nghệ sản xuất gỗ ghép thanh



Hình 1. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất gỗ ghép thanh

Thuyết minh quy trình

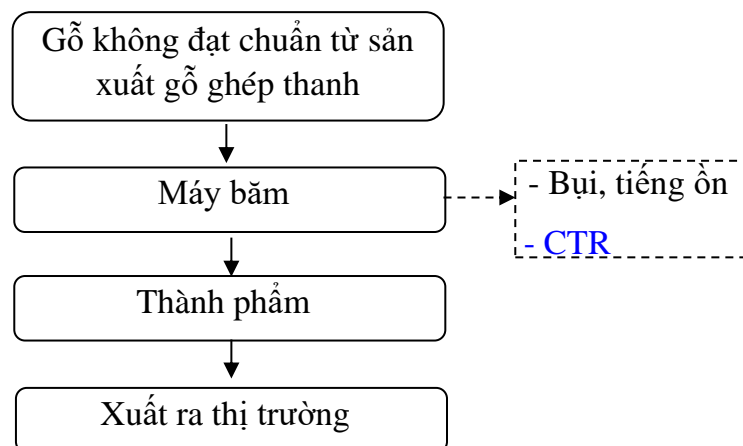
- Gỗ tròn (gỗ bạch đàn, tràm, cao su...) sau khi được bóc vỏ bằng thủ công hoặc cơ giới tại rừng khai thác sẽ được đưa vào máy cắt khúc và xẻ thành tấm sau đó sẽ đưa sang công đoạn lựa phôi, cắt đoạn.

- Công đoạn lựa phôi cắt đoạn sử dụng máy cưa bàn để cắt gỗ theo kích thước theo đơn đặt hàng.

- Sau khi cắt đoạn theo kích thước yêu cầu, phôi gỗ được đưa qua công đoạn rong cạnh để tạo nên tính thẩm mỹ của sản phẩm như độ chính xác, độ nhẵn, mịn. Tại công đoạn cưa rong sẽ bố trí 08 chụp hút bụi tại 8 máy cưa để đưa về hệ thống xử lý cyclon.

- Sản phẩm sau khi rong cạnh được xếp thành kiện trên palet để đóng gói và xuất xưởng

b. Quy trình băm dăm phụ phẩm



Hình 2. Quy trình công nghệ sản xuất dăm gỗ phụ phẩm

*** Thuyết minh công nghệ:**

- Gỗ cây không đạt chuẩn để sản xuất ván ghép thanh, bì, rìa thải ra từ công đoạn sản xuất ván ghép thanh sẽ được đưa vào máy băm dăm chạy bằng điện 3 pha nên công đoạn này không làm phát sinh khí thải, đáng quan tâm nhất trong công đoạn này là bụi, tiếng ồn thảo mộc phát sinh do hoạt động băm gỗ.

- Dăm từ phụ phẩm được Công ty bán cho các cơ sở sản xuất viên nén năng lượng.

1.2.3. Sản phẩm của cơ sở:

Cơ sở sản xuất gỗ ghép thanh công suất 9.000 m³/năm (sản phẩm gỗ được cưa xẻ, gia công theo kích thước đơn đặt hàng).

1.3. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.3.1. Nguyên liệu

Bảng 1. Nguyên liệu gỗ đầu vào của Cơ sở

TT	Đơn vị	Công suất	Tỷ lệ sản phẩm/nguyên liệu	Nguyên liệu đầu vào
1	m ³	9.000	75%	12.000

1.3.1.1. Nguồn cung cấp điện

Điện phục vụ cho các hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt của Cơ sở được lấy từ đường dây hạ thế chạy ngang qua, Nhà máy xây dựng 01 trạm biến áp 50KVA để đảm bảo hoạt động ổn định.

1.3.1.2. Nguồn cung cấp nước

Nguồn nước phục vụ cho hoạt động của toàn bộ Cơ sở được lấy từ nước ngầm. Lượng nước sử dụng cho Cơ sở bao gồm:

Bảng 2. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

TT	Đối tượng sử dụng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn cấp nước	Khối lượng nước (m ³ /ng.đ)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	40 người	45 (*) L/người	1,8
2	Nước làm mát lưỡi cưa và dập bụi máy xẻ gỗ	-	-	0,2
3	Nước làm mát dao băm	-	-	1
	Tổng cộng			3

(*): TCXDVN 33-2006: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế.

Theo kết quả tính toán ở trên thì tổng lượng nước cấp cần cho hoạt động của Cơ sở là 3 m³/ngày.

1.4. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

1.4.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở

- Số lượng cán bộ công nhân viên: 40 công nhân.
- Các hạng mục của cơ sở:

Bảng 3. Quy mô các hạng mục của Cơ sở

TT	Nội dung đầu tư	Quy mô (m²)	Tỷ lệ
I	Các hạng mục chính		
1	Xưởng cưa xẻ gỗ	1.438	13,53
2	Xưởng ghép thanh	2.502	23,55
3	Xưởng băm phụ phẩm	555	5,22
4	Sân chứa gỗ nguyên liệu	2.393	22,52
5	Sân chứa dăm phụ phẩm	914	8,60
II	Các hạng mục phụ trợ		
1	Văn phòng	25	0,24
2	Nhà bếp + nhà ăn	50	0,47
3	Nhà để xe	50	0,47
4	Nhà bảo vệ	9	0,08
5	Nhà kho	120	1,13
6	Nhà bảo vệ	12	0,11
7	Nhà vệ sinh	73	0,69
8	Trạm biến áp	12	0,11
9	Bể nước phòng cháy chữa cháy	40	0,38
III	Hạng mục BVMT		
1	Cây xanh	2.383	22,43
2	Hệ thống xử lý nước thải	50	0,47
	TỔNG CỘNG	10.626	100,00

CHƯƠNG II.

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Hiện tại, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá khả năng phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Hiện tại, UBND tỉnh chưa ban hành khả năng chịu tải của môi trường của khu vực nên chưa có cơ sở để đánh giá khả năng phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

CHƯƠNG III.

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Hiện tại, Cơ sở đã đi vào hoạt động từ năm 2013 với số lượng CBCNV 40 người. Quá trình hoạt động, chủ sở hữu đã áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hiện tại, hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở xây dựng được xây dựng để thu gom nước mưa chảy tràn qua sân chứa nguyên liệu và sân chứa dăm phụ phẩm sau đó dẫn về hệ thống xử lý tại phía Bắc Cơ sở. Mương thu gom bằng bê tông xi măng kích thước 60x40cm, dài khoảng 150m. Sau đó dẫn về hệ thống xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra môi trường

Đối với nước mưa các khu vực khác được chảy theo hướng nghiêng địa hình trong Nhà máy sau đó thoát ra môi trường phía Đông Bắc.

Ngoài ra, Chủ cơ sở sẽ bổ sung một số biện pháp như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác, phế thải sản xuất xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn hệ thống;
- Tránh tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rơi vật liệu vào đường thoát nước;
- Nhắc nhở công nhân có ý thức trong việc thu gom rác thải sinh hoạt và sản xuất.

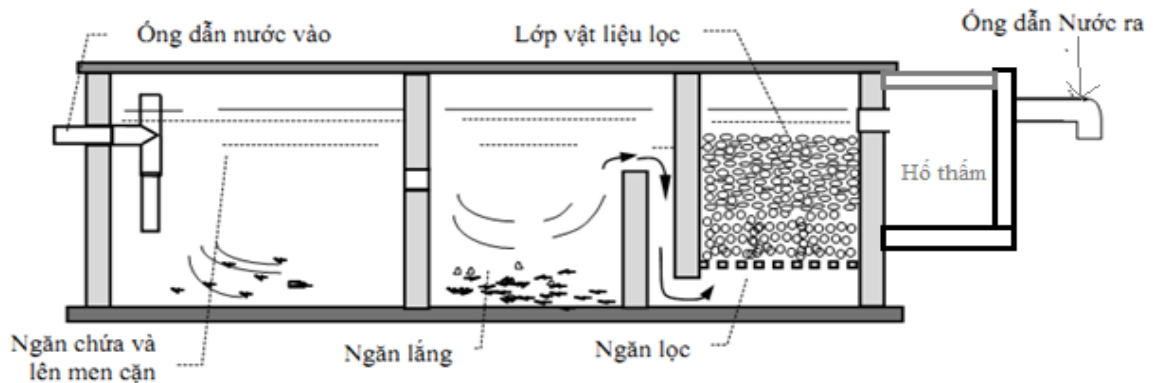
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hiện tại nước thải phát sinh tại Cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt, không có nước thải sản xuất. Đối với nước thải sinh hoạt được thu gom bằng ống nhựa PVC Ø110, sau đó dẫn về hệ thống xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn thể tích 20m³.

3.1.3. Xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

Hiện tại, Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn thể tích 20m³. Chức năng của bể tự hoại ứng dụng phương pháp lắng và phân huỷ yếm khí nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: phần lắng và phần phân huỷ cặn. Mô hình bể tự hoại như sau:



Hình 3. Mô hình hầm tự hoại

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

- Áp dụng phương thức tính toán thiết kế bể tự hoại của TS. Trần Đức Hạ - Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ và vừa - NXB KH&KT, Hà Nội 2002 để xây dựng bể phù hợp với lượng công nhân 40 người

+ Thể tích phần lắng của bể tự hoại: $W_1 = a.N.T_1/1.000$ (m³);

+ Thể tích phần chứa và lên men phân hủy cặn: $W_2 = b.N.T_2/1.000$ (m³);

Tổng thể tích bể tự hoại (W, m³): $W = W_1 + W_2$.

Trong đó:

N - số người sử dụng (*N*=40);

a - tiêu chuẩn thải nước của một người trong một ngày (*a* = 45 L/người.ngày × 100% = 45 L/người.ngày);

b - tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày; giá trị của *b* phụ thuộc vào chu kỳ hút cặn khỏi bể; nếu thời gian giữa hai lần hút cặn < 1 năm thì *b*=0,1 L/người.ngày, nếu ≥ 1 năm thì *b*=0,08 L/người.ngày;

*T*₁ - thời gian lưu của bể tự hoại, thường lấy 1÷3 ngày (chọn 2 ngày);

*T*₂ - thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men; ta tính cho thời gian 1 năm (*T*₂ = 365 ngày);

Vậy thể tích toàn bộ bể tự hoại là: $W = 4,8$ m³ (chọn 5m³)

Hiện tại, Chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hầm tự hoại có thể tích 20 m³, đáp ứng nhu cầu với 40 CBCNV.

b. Nước thải từ nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm và nguyên liệu

Khu vực chứa dăm và nguyên liệu có diện tích 3.307m², nước mưa chảy qua khu vực này sẽ kéo theo chất rắn lơ lửng, vụn gỗ, đất cát làm ô nhiễm thủy vực tiếp

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: Nhà máy sản xuất và chế biến gỗ rừng trồng xuất khẩu tại CCN xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng.

nhận. Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm, nguyên liệu được tính như sau:

Lưu lượng nước mưa chảy tràn được tính toán theo TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế. Công thức: $Q = q \times C \times F$.

Trong đó: Q - là lượng nước mưa chảy tràn qua các khu vực tính toán.

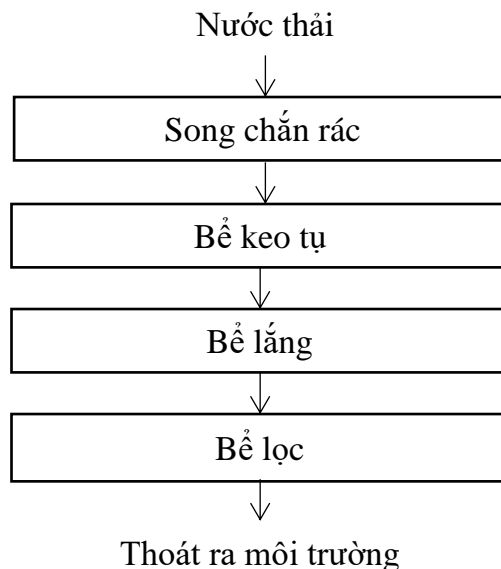
F - là diện tích khu vực tính toán 3.307 m^2 .

q - là lượng mưa ngày trong tháng lớn nhất từ năm 1977 - 2021 (tại thời điểm tháng 10/1920) có giá trị $89,5 \text{ mm}$.

C - là hệ số dòng chảy ($C = 0,3$),

Như vậy, lưu lượng nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm, nguyên liệu được tính toán như sau: $Q = 3.307 \text{ m}^2 \times 0,0895 \text{ m/ngày} \times 0,3 = 89 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Hiện tại, Chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm và nguyên liệu gồm: bể keo tụ, bể lắng, bể lọc. Quy trình như sau:



Thuyết minh quy trình:

Nước thải là nước mưa chảy qua khu vực bãi chứa dăm và nguyên liệu sẽ kéo theo chất rắn lơ lửng, vụn gỗ, đất cát được đưa qua song chắn rác để tách các thành phần có kích thước lớn, nước thải được dẫn qua bể keo tụ, tại đây bổ sung keo PAC để keo tụ các thành phần lơ lửng có trong nước thải thành các hạt vật chất có trọng lượng lớn và lắng xuống đáy tại bể lắng. Sau khi qua bể lắng một số chất lơ lửng có khối lượng nhỏ không thể lắng sẽ được tách ra khỏi nước thải bằng lớp vật liệu lọc

đá, cát tại bể lọc. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT được xả ra môi trường phía Bắc Nhà máy.

Kích thước các bể như sau:

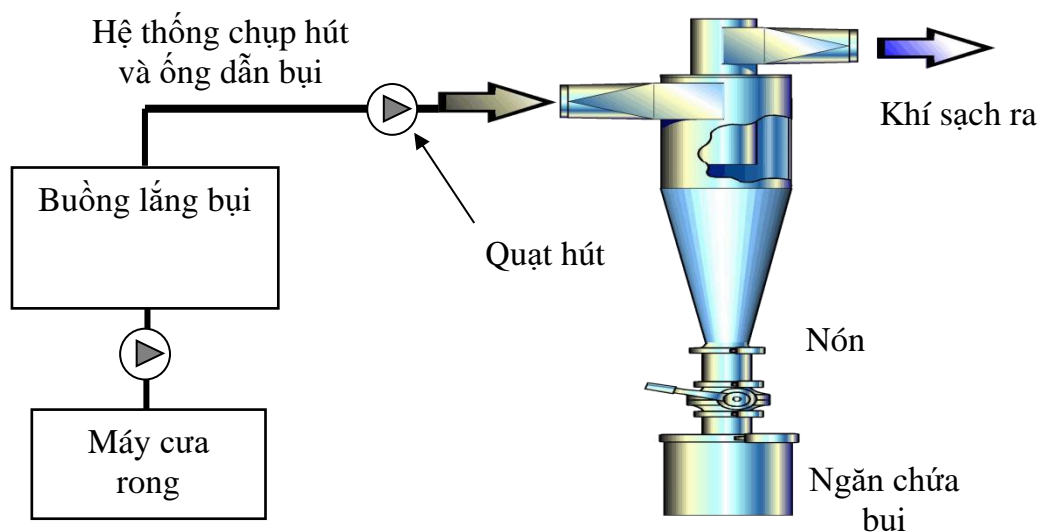
- Bể keo tụ: 3x3x2 m
- Bể lắng: 3x3x2m
- Bể lọc: 3x3x2m. Bể lọc có cấu tạo gồm 4 lớp vật liệu lọc: Lớp cát có độ dày 0,3m, lớp than dày 0,3m, lớp đá 1x2 có độ dày 0,3m và lớp đá 4x6 có độ dày 0,3m.

Kết cấu các bể bằng bê tông xi măng, xây chìm dưới mặt đất. Nước thải sau khi qua xử lý được dẫn ra môi trường phía Bắc Nhà máy.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Biện pháp xử lý bụi từ công đoạn cưa rong trong sản xuất ván ghép thanh:

Để xử lý lượng bụi phát sinh tại các công đoạn này Chủ cơ sở sẽ bố trí 1 hệ thống thu bụi tại các công đoạn phát sinh bụi lớn. Hệ thống thu gom, hút bụi được lắp đặt đồng bộ với các dây chuyền trong quá trình sản xuất. Bụi phát sinh tại 08 máy cưa rong theo hệ thống chụp hút và ống dẫn bụi vào buồng lắng bụi bằng gạch xi măng kích thước 5x4x3,5m sau đó được dẫn qua thiết bị xử lý bụi bằng cyclon.



Sơ đồ 3.1. Thiết bị thu bụi tại các công đoạn cưa, bào, chà nhám

Thuyết minh công nghệ:

- Không khí mang bụi từ máy cưa rong được quạt hút đưa vào buồng lắng bụi và thiết bị Cyclon. Tại buồng lắng bụi, các hạt bụi di chuyển theo dòng khí thải sẽ va đập vào thành buồng và máy động năng rơi xuống do trọng lực. Dòng khí thải tiếp tục được đưa qua Cyclone có dạng hình trụ ở phía trên và nhỏ dần theo dạng hình chóp ở phía dưới. Khí lẫn bụi được thổi vào cyclone với vận tốc khoảng 17÷25m/s

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: Nhà máy sản xuất và chế biến gỗ rừng trồng xuất khẩu tại CCN xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng.

theo hướng tiếp tuyến với hình trụ để tạo dòng khí xoáy với lực ly tâm rất lớn làm cho các hạt bụi va đập vào thành thiết bị và dần di chuyển xuống phía dưới. Phía dưới là một đáy hình nón và một phễu để thu bụi. Dòng khí có chứa bụi (được sự trợ giúp của quạt) chuyển động xoáy trong vỏ hình trụ và chuyển động dần xuống tới phần hình nón có đường kính giảm dần làm cho hạt bụi bị văng ra khỏi dòng khí, va chạm vào vách Cyclone và cuối cùng rơi xuống phễu thu bụi. Bụi này là bụi gỗ nên được thu gom và bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua trên địa bàn.

- Một số thông số thiết kế của thiết bị: thiết bị được làm bằng thép sơn chống rỉ, kích thước cyclon: Đường kính $D_0 = 1,2\text{m}$, đường kính ống xả : $D_d = 0,5\text{m}$; chiều cao phần hình trụ của cyclon: $H_1 = 1,8\text{m}$;; chiều cao phần hình phễu của cyclon : $H_2 = 2,2\text{m}$.

Biện pháp xử lý bụi đối với dây chuyền băm dăm gỗ phụ phẩm:

- Để giảm thiểu bụi tại các máy băm dăm bố trí hệ thống phun sương vừa làm mát dao băm vừa hạn chế được lượng bụi phát sinh tại công đoạn này.

- Đặc trưng hoạt động của Nhà máy phát sinh nhiều mùn cưa, dăm bào, gỗ vụn,... nên Công ty sẽ yêu cầu công nhân vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ca làm việc (tối thiểu 1 - 2 lần/ngày).

Biện pháp giảm thiểu bụi từ công đoạn bốc dỡ, lưu trữ và vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm:

- Xe sử dụng để vận chuyển dăm là các xe container nên hạn chế được dăm rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- Đối với mùn cưa thải loại từ quá trình sản xuất được thu gom vào các bao tải trước khi đưa lên xe nhằm hạn chế tối đa mùn cưa rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- Đối với các khu vực như bãi chứa nguyên liệu, nhà băm dăm, Chủ cơ sở bố trí cán bộ thường xuyên quét dọn, thu gom vào các bao tải chứa tại khu vực nhà chứa CTR và định kỳ bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua trên địa bàn.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân như: Quần áo bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính mắt,... và yêu cầu công nhân sử dụng trong thời gian làm việc.

- Trồng cây xanh bao xung quanh Nhà máy, tại khu văn phòng và các hạng mục phụ trợ khác bố trí các chậu cây cảnh, đảm bảo mật độ tối thiểu bằng 20% tổng diện tích khu vực Cơ sở. Với các biện pháp này nhằm góp phần làm giảm lượng bụi và tiếng ồn ra môi trường xung quanh. Các loại cây được sử dụng là cây có tán lá dày, cây cao để chắn bụi.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

* *CTR sinh hoạt:*

Hiện tại, để xử lý chất thải tại Nhà máy, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí 01 thùng rác loại 120L tại nhà xưởng sản xuất, hàng ngày, công nhân sẽ thu gom vào thùng rác và hợp đồng với Trung tâm môi trường - đô thị Hải Lăng đem đi xử lý định kỳ 02 ngày/lần.

- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton,... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

* *Chất thải rắn sản xuất thông thường:*

Chất thải rắn sản xuất của Nhà máy phát sinh gồm:

- Gỗ vụn, bìa gỗ, mùn cưa từ công đoạn cưa, bào với khối lượng khoảng 10 m³/ngày. Lượng CTR từ gỗ phế phẩm được đưa qua xưởng băm dăm để băm thành dăm gỗ và bán cho các cơ sở sản xuất viên nén năng lượng.

- Đối với CTR từ văn phòng như bao bì, giấy vụn, được thu gom chung với CTR sinh hoạt và hợp đồng với Trung tâm môi trường - đô thị Hải Lăng đem đi xử lý định kỳ 02 ngày/lần.

3.4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

CTNH phát sinh trong giai đoạn này bao gồm: giẻ lau dính dầu phát sinh từ các công đoạn vệ sinh máy móc, thiết bị; mực in, bóng đèn huỳnh quang phát sinh từ khu vực văn phòng thuộc vào mục chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khối lượng CTNH phát sinh tại nhà máy như sau:

Bảng 4. Danh mục CTNH phát sinh của Nhà máy

STT	Tên CTNH	Khối lượng	Trạng thái
1	Giẻ lau dính dầu	5 kg/Quý	Rắn
2	Bóng đèn huỳnh quang	0,5 kg/Quý	Rắn
3	Hộp mực in	1,5 kg/Quý	Rắn

Đối với CTNH có tần suất phát sinh không thường xuyên, tuy nhiên do thành phần và tính chất nguy hại tới môi trường nên cần phải quản lý chặt chẽ. Chủ cơ sở sẽ thu gom chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với chất thải và giẻ lau dính dầu sẽ được thu gom hàng ngày vào thùng chứa chuyên dụng, đối với các loại chất thải như đèn huỳnh quang, hộp mực in chỉ phát sinh khi bị hư hỏng thay thế) Chủ cơ sở sẽ tiến hành thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng loại 60L. Lượng chất thải này sau đó định kỳ 1 năm/02 lần hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tiếng ồn từ máy móc, thiết bị và các phương tiện xe cơ giới, Cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.

- Các loại máy bơm dầm, cưa xẻ, cưa rong,.. được cân chỉnh và cố định bằng các bệ móng hạn chế rung động.

- Trong quá trình sử dụng thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động trong tình trạng tốt nhất.

- Đối với khu vực máy bơm là nơi phát sinh độ ồn cao sẽ được đổ bê tông đáy và xây tường bao xung quanh, máy bơm sẽ được đặt âm ở độ sâu 4 m, các máy móc này được cân chỉnh, cố định bằng các bệ móng và đặt trong nhà xưởng được xây tường cách âm. Ngoài ra, công nhân làm việc trong khu vực bơm, cưa xẻ gỗ được trang bị các thiết bị chống ồn như nút bịt tai, khẩu trang...

- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.

- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần theo quy định, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, sân bãi nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

* *Đối với sự cố vỡ, tràn hệ thống xử lý nước thải (nước mưa qua bãi dầm và chứa nguyên liệu)*

- Thiết kế và vận hành hệ thống theo đúng thiết kế;

- Yêu cầu tổ vệ sinh môi trường của Nhà máy thường xuyên kiểm tra hiện trạng đường cống gom nước thải. Nếu có hiện tượng tắc nghẽn phải báo cáo ngay với Ban lãnh đạo để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: Nhà máy sản xuất và chế biến gỗ rừng trồng xuất khẩu tại CCN xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng.

- Trong trường hợp hệ thống thu gom bị tắc nghẽn cần tiến hành nạo vét, sửa chữa để khắc phục kịp thời trong 24h. Không để nước chưa qua xử lý tràn ra ngoài gây ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực.

- Để kéo dài tuổi thọ của hệ thống, ngoài việc bảo dưỡng kỹ thuật định kỳ cho các máy móc thiết bị, còn phải bảo dưỡng các bể xử lý đảm bảo cho hệ thống được sạch sẽ, ngăn nắp.

CHƯƠNG IV.

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của CBCNV làm việc tại Nhà máy
 - + Nguồn số 2: Nước thải từ nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm và nguyên liệu.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa:
 - + Nước thải sinh hoạt: 1,8 m³/ngày, chủ cơ sở đã bố trí nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn để thu gom nước thải sinh hoạt và định kỳ sẽ thuê Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Hải Lăng thu gom vận chuyển đi xử lý. Không có hoạt động xả nước thải sinh hoạt ra môi trường.
 - + Nước thải từ nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm và nguyên liệu có lưu lượng khoảng 89 m³/ngày được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT.
- Dòng nước thải: Nước thải từ nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm và nguyên liệu được chảy ra môi trường phía Bắc của Cơ sở.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: nước thải là nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm sau xử lý đạt giới hạn Cột B của QCVN 40:2011/BTNMT (Kq=0,9, Kf=1,2)

Bảng 5. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) (Kq=0,9, Kf=1,2)
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	108
3	BOD ₅	mg/l	54
4	COD	mg/l	162
5	Coliform	MPN/100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải từ nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm và nguyên liệu sau xử lý được chảy ra môi trường phía Bắc của Cơ sở (tọa độ X: 1.848.174 m; Y: 603.538m), phương thức xả thải là tự chảy.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải: Bụi từ máy cưa rong được chọt hút xử lý bằng cyclon
- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 6.850 m³/h

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: Nhà máy sản xuất và chế biến gỗ rừng trồng xuất khẩu tại CCN xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng.

+ Khí thải chứa bụi từ hoạt động cưa rong được chụp hút đưa qua hệ thống xử lý bằng buồng lắng và cyclon đạt QCVN 19:2009/BTNMT được thoát ra môi trường qua ống thoát khí cao 5m.

- Dòng nước thải: gồm 1 dòng khí thải sau xử lý bằng hệ thống cyclon.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: khí thải chứa bụi sau xử lý đạt giới hạn Cột B của QCVN 19:2009/BTNMT (Kv=1, Kp=1)

Bảng 6. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) (Kv=1, Kp=1)
1	Bụi	mg/Nm ³	200

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường trong khuôn viên của Cơ sở (tọa độ X: 1.848.154 m; Y: 603.535m), phương thức xả thải là cưỡng bức bằng quạt đẩy

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của Cơ sở chủ yếu phát sinh tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển và máy cưa, máy băm dăm

- Giới hạn đối với tiếng ồn đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT (<70dBA).

CHƯƠNG V.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1 . Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

5.1.1. Kết quả quan trắc khí thải

Để đánh giá hiệu quả hệ thống xử lý bụi bằng cyclon, Chủ cơ sở đã phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh lấy mẫu, phân tích khí thải, kết quả như sau:

Bảng 7. Kết quả quan trắc khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả (KT)	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) (Kv=1, Kp=1)
Ngày lấy mẫu: 20/4/2022				
1	Lưu lượng	m ³ /h	6.850	-
2	Bụi	mg/Nm ³	178,5	200
Ngày lấy mẫu: 16/5/2022				
1	Lưu lượng	m ³ /h	5.980	-
2	Bụi	mg/Nm ³	160,1	200

Ghi chú:

- + *KT: Vị trí lấy mẫu tại ống thoát khí của hệ thống Cyclon xử lý bụi*
- + *QCVN 19:2009/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ*

Nhận xét: Qua kết quả phân tích trên cho thấy nồng độ bụi sau xử lý bằng hệ thống cyclon đạt QCVN 19:2009/BTNMT.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm của cơ sở

TT	Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Hệ thống xử lý nước thải qua bãi chứa dăm	Tháng 01/10/2023	Tháng 03/10/2023	100%
2	Hệ thống xử lý khí thải	Tháng 01/10/2023	Tháng 03/10/2023	100%

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Cơ sở có công trình hệ thống xử lý khí thải và hệ thống xử lý nước thải qua bãi chứa dăm thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Theo quy định tại khoản 5, điều 21, thông tư số 02/2022/TTT-BTNMT quy định việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Do đó, khi đi vào vận hành ổn định, Chủ cơ sở sẽ lấy mẫu 3 ngày liên tiếp (tháng 10/2023) để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của Pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải, khí thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 và 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 và 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải, khí thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

6.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

* Giám sát môi trường nước thải

- Số lượng: 01 vị trí;

- Vị trí giám sát:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: Nhà máy sản xuất và chế biến gỗ rừng trồng xuất khẩu tại CCN xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng.

+ 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải từ nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm và nguyên liệu.

- Thông số giám sát: pH, Độ màu, TSS, BOD₅, COD, Tổng Photpho, Tổng Nitơ, Dầu, mỡ khoáng, Fe, Coliform.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

* *Giám sát khí thải*

- Số lượng giám sát: 01 vị trí

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống cyclon xử lý bụi ;

- Các thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Tần suất: 6 tháng/lần;

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Kinh phí quan trắc môi trường hằng năm khoảng 40.000.000 VNĐ/năm

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Từ năm 2020 đến nay, Cơ sở chưa có thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng. Các hoạt động về bảo vệ môi trường được Chủ cơ sở tuân thủ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII.

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Chúng tôi cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong báo cáo.

- Tất cả các biện pháp BVMT sẽ thực hiện theo quy định và hoàn thành đúng thời gian quy định.

- Áp dụng chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành

- Chúng tôi cam kết sẽ xử lý nước thải đảm bảo đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) và khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- + Hồ sơ đất đai của Cơ sở.
- + Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến Cơ sở.
- + Các sơ đồ (bản vẽ, bản đồ) liên quan đến Cơ sở.

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải;
- [2]. Assessment of sources of Air, Water and Land Pollution. Part I, World Health Organization, Geneva, 1993 (WHO, 1993);
- [3]. Lâm Minh Triết - Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp, tính toán thiết kế công trình;
- [4]. Mô hình hóa môi trường, TSKH Bùi Tá Long, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2008;
- [5]. PGS.TS Nguyễn Đình Mạnh, Đánh giá tác động môi trường, Hà Nội, 2005.